

UBND QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC
ĐỒNG ĐA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 27, tháng 03, năm 2019

HƯỚNG DẪN RÕ CÁCH TÍNH THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG NĂM 2019

Nhằm giúp quý thành viên thuận tiện trong việc tính thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ tiền lương, tiền công năm 2019; nay, BAN TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT trình bày một cách chi tiết về vấn đề này.

1. Những điểm cần lưu ý trước khi đi vào công việc tính thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

a. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế TNCN: là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế (Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 8 [Thông tư 111/2013/TT-BTC](#)).

Ví dụ: Tiền lương của tháng 12/2018 trả vào tháng 01/2019 thì tính vào thu nhập chịu thuế của tháng 01/2019.

Thuế TNCN là loại thuế tính theo tháng, kê khai có thể theo tháng hoặc theo quý nhưng quyết toán theo năm.

b. Phương pháp tính thuế TNCN

- Tính theo biểu lũy tiến từng phần: Dành cho lao động ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) từ 3 tháng trở lên.

- Khấu trừ 10%: Dành cho không ký hợp đồng hoặc ký HĐLĐ dưới 3 tháng có tổng mức trả thu nhập từ 2.000.000 đồng/lần trở lên.

- Khấu trừ 20%: Dành cho cá nhân không cư trú (Thường là người nước ngoài) được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân với thuế suất 20%.

2. Hướng dẫn chi tiết cách tính thuế TNCN trong từng trường hợp cụ thể

a. Đối với cá nhân cư trú có ký HĐLĐ từ 3 tháng trở lên

- Kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ 3 tháng trở lên tại nhiều nơi.
- Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên nhưng nghỉ làm trước khi kết thúc hợp đồng lao động thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập vẫn thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần (Theo Điểm b Khoản 1 Điều 25 của **Thông tư 111/2013/TT-BTC**).

Thuế TNCN phải nộp	=	Thu nhập tính thuế TNCN	X	Thuế suất
---------------------------	----------	--------------------------------	----------	------------------

a1. Thu nhập tính thuế TNCN

Thu nhập tính thuế TNCN	=	Thu nhập chịu thuế TNCN	-	Các khoản giảm trừ
--------------------------------	----------	--------------------------------	----------	---------------------------

- **Thu nhập chịu thuế:** là tổng TNCN nhận được từ tổ chức chi trả **không bao gồm** các khoản sau:

Tiền ăn giữa ca, ăn trưa	Theo Khoản 4 Điều 22 <u>Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH</u> là không được vượt quá 730.000 đồng/người/tháng.
Phụ cấp điện thoại	Xem chi tiết tại <u>Công văn 5274/TCT-TNCN</u> ngày 09/12/2015, <u>Công văn 1166/TCT-TNCN</u> ngày 21/3/2016 của Tổng cục Thuế

Phụ cấp trang phục	Theo Điều 4 của Thông tư 96/2015/TT-BTC là không quá 5.000.000 đồng/người/năm.
Tiền công tác phí	Xem chi tiết tại Công văn 1166/TCT-TNCN ngày 21/3/2016 của Tổng cục Thuế
Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ.	Ví dụ: Ban ngày được trả 6.000 đồng/giờ, làm thêm ban đêm được trả 10.000 đồng/giờ thì số tiền làm thêm ban đêm nhận được có 6.000 đồng phải chịu thuế TNCN, 4.000 đồng vượt trội không chịu thuế TNCN.
Các khoản phụ cấp, trợ cấp khác không chịu thuế TNCN	<u>XEM CHI TIẾT TẠI ĐÂY</u>

- Các khoản giảm trừ bao gồm:

Giảm trừ gia cảnh	- Đối với bản thân là 9.000.000 đồng/người/tháng. - Đối với người phụ thuộc là 3.600.000 đồng/người/tháng.
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm nghề nghiệp trong một số lĩnh vực đặc biệt.
Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học.	

a.2 Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công được áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 [Luật Thuế TNCN](#), cụ thể như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
-----------------	---	---	--------------------------

1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

b. Đối với cá nhân cư trú không ký HDLĐ hay có ký nhưng dưới 3 tháng

Tiến hành khấu trừ thuế TNCN theo từng lần chi trả thu nhập từ 2.000.000 đồng trở lên như sau:

- Đối với cá nhân cư trú: khấu trừ 10% tổng thu nhập trả/lần (không phân biệt có mã số thuế hay không).

Lưu ý:

- Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (Cam kết 02/CK-TNCN - Theo mẫu tại [Thông tư 92/2015/TT-BTC](#)) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

- Người làm cam kết 02 bắt buộc phải có MST tại thời điểm làm cam kết.

Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế (vào mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) và nộp cho cơ quan thuế. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm

về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của [Luật quản lý thuế](#).

c. Đối với cá nhân không cư trú

Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân với thuế suất 20%.